

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS-ST

Ngày: 13 - 6 - 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thành Trung
- Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc, kiểm sát viên

Trong các ngày 12, 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 03 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Chung Thị T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp 1, xã Thủy Tây, huyện TH, tỉnh Long An. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Nh (Gái); sinh năm 1974 (Có mặt)

Ông Ngô Thanh V, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Bến Kè, xã Thủy Đông, huyện TH, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại tòa, nguyên đơn bà Chung Thị T trình bày:*

Vào năm 2018, bà T với bà Nh (tên thường gọi là Gái) cùng ông V là chồng bà Nh có quan hệ làm ăn nên có vay 400.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay là 01 năm. Sau khi quá hạn thì bà với bà T và ông V có thỏa thuận làm hợp đồng vay tiền mới vào ngày 09/7/2019 (Dương Lịch) với tiền gốc là 400.000.000đ và tiền lãi của 12 tháng là 36.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 7/6/2019 (âm lịch) đến ngày 7/8/2019 (âm lịch), mục đích vay để mua bán lúa, làm kinh tế gia đình, lãi suất vay là 15%/tháng. Bà Nh và ông V có ký tên vào hợp đồng vay tiền ngày 9/7/2019 (bà Nh ký bằng tên ngoài của mình là Nguyễn Thị Gái). Tuy nhiên đã quá hạn nhưng bà Nh và ông V không trả nợ nên bà khởi kiện yêu cầu bà Nh, ông V liên đới trả tiền gốc là 400.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 7/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất là 0.83%/tháng cùng với 36.000.000đ tiền lãi hai bên đã thỏa thuận của năm 2018.

** Bị đơn – Bà Nguyễn Thị Nh trình bày:* Bà thừa nhận vào năm 2018 có vay của bà T số tiền 400.000.000đ, đến năm 2019 do làm ăn khó khăn nên bà cùng chồng và ông V ký lại hợp đồng vay tiền ngày 9/7/2019 với tiền gốc là 400.000.000đ cùng với tiền lãi năm 2018 là 36.000.000đ, tổng cộng 436.000.000đ, mục đích vay là nuôi cá, mua đất làm kinh tế gia đình, thời hạn trả từ ngày 7/6/2019 (âm lịch) đến ngày 7/8/2019 (âm lịch), lãi suất ghi 1%/ tháng là không đúng, lãi suất thực sự bên ngoài là 3%/tháng. Tuy nhiên từ ngày vay cho đến nay bà và ông V do làm ăn thất bại nên bà và ông V chưa trả nợ gốc và lãi cho bà T. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà T, bà chỉ đồng ý cùng ông V trả số tiền nợ gốc là 400.000.000đ và tiền lãi đã thừa nhận là 36.000.000đ, tổng cộng là 436.000.000đ và không đồng ý trả lãi. Phương thức trả thì khi nào vợ chồng bà có tiền sẽ trả.

Bà Nh thừa nhận ký tên “Nguyễn Thị Gái” trong hợp đồng vay tiền ngày 09/7/2019 là tên ngoài của bà, tên trong giấy của bà là “Nguyễn Thị Nh”. Bà thừa nhận tên “Nhị” hay “Gái” đều là bà.

** Bị đơn – Ông Ngô Thanh V vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.*

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình tố tụng.

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều tuân theo quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Từ sự thống nhất của các bên và căn cứ vào hợp đồng vay tiền thì giữa bà Chung Thị T và bà Nguyễn Thị Gái có mối quan hệ vay tài sản từ trước đó, Năm

2018 nguyên đơn cho bị đơn vay 400.000.000đ và số tiền lãi (1%/tháng) 36.000.000đ. Ngày 09/7/2019 (dương lịch) hai bên lập hợp đồng vay tiền lãi suất 1%/tháng, mục đích vay là để phát triển kinh tế gia đình (nuôi cá, mua bán lúa gạo) thời hạn trả là từ ngày 07/6/2019 (âm lịch) đến ngày 07/8/2019 (âm lịch) gộp cả gốc và lãi là 436.000.000đ. Như vậy số tiền thực tế nguyên đơn cho bị đơn vay là 400.000.000đ và lời trình bày của bị đơn về số tiền gốc và tiền lãi là phù hợp với hợp đồng vay tiền mà hai bên giao kết. Theo thỏa thuận ngày 07/8/2019, bị đơn phải trả tiền cho nguyên đơn nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 400.000.000đ tiền gốc + 36.000.000đ (tiền lãi năm 2018) và tiền lãi tính từ 09/7/2019 tới thời điểm xét xử (mức lãi suất 0,83%/tháng) có cơ sở chấp nhận.

Trong hợp đồng vay tiền có thể hiện mục đích mà bị đơn vay là để mua bán lúa, có chức ký của ông Ngô Thanh V vì vậy bà Nguyễn Thị Gái và ông Ngô Thanh V phải liên đới trả nợ cho nguyên đơn.

Áp dụng các Điều 466, 467, 357, 470, 288 BLDS, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình hiện hành chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Chung Thị T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị Nh (Gái) và ông Ngô Thanh V. Nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ tại huyện TH, tỉnh Long An. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện TH.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn ông Ngô Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Chung Thị T và bị đơn bà Nguyễn Thị Nh (Gái) thống nhất vào năm 2018 bà Nh và ông V có vay bà T số tiền 400.000.000đ nhưng không có tiền trả nên ngày 09/7/2019 (Dương lịch) bà Nh và ông V có ký lại “ Hợp đồng vay tiền” với số tiền nợ gốc là 400.000.000đ và tiền lãi năm 2018 là 36.000.000đ, hạn 02 tháng sẽ trả (07/6/2019 đến 07/8/2019 (âm lịch)), lãi suất là 2%/tháng. Từ ngày vay cho đến nay bà Nh chưa trả nợ và lãi cho bà T. Từ những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng với lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn thì có đủ căn cứ chứng minh giữa bà T với bà Nh và ông V có phát sinh hợp đồng vay tài sản có thời hạn với số tiền nợ là 400.000.000đ gốc và lãi là 36.000.000đ nên yêu cầu bị đơn trả nợ của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

Về trách nhiệm liên đới trả nợ: Bị đơn ông Ngô Thanh V vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên căn cứ vào “Hợp đồng vay tiền” ngày 09/7/2022 (dương lịch) có chữ ký của ông V, bà Nh vợ ông V cũng thừa nhận ông V biết việc nợ tiền này và cũng đồng ý cùng bà Nh trả nợ cho bà T. Nên yêu cầu ông V liên đới cùng bà Nh trả nợ cho bà T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về yêu cầu trả tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bà Nh và ông V phải trả tiền lãi từ ngày 07/6/2019 (âm lịch) cho đến khi xét xử với mức lãi suất là theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng. Bị đơn bà Nh không đồng ý chỉ chấp nhận trả gốc là 400.000.000đ và tiền lãi thừa nhận là 36.000.000đ. Tuy nhiên căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự, bên vay chưa trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu bên vay trả lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp nên yêu cầu trả lãi của nguyên đơn bà T có căn cứ chấp nhận cụ thể như sau:

Tiền lãi tính từ ngày 7/6/2019 (Âm lịch) tức ngày 9/7/2019 (Dương lịch) cho đến ngày 13/6/2023 là 47 tháng 04 ngày. Nguyên đơn đề nghị làm tròn là 47 tháng. Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu về thời gian tính lãi này nên tiền lãi bị đơn phải trả là: $400.000.000đ \times 47 \text{ tháng} \times 0,83\%/tháng = 156.040.000đ$.

Như vậy, tiền gốc và lãi mà bị đơn phải trả là: $400.000.000đ + 156.040.000đ + 36.000.000đ = 592.040.000đ$.

[4] Phương thức trả nợ: Bà T yêu cầu bà Nh và ông V phải trả một lần nợ gốc và lãi. Bà Nh xin trả dần khi nào có tiền thì trả nhưng không được bà T đồng ý nên đề nghị trả dần của bà Nh không được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Chung Thị T được chấp nhận được chấp nhận toàn bộ nên bà T không phải nộp án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà T. Bà Nh và ông V phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39 và Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chung Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị Nh (Gái) và ông Ngô Thanh V có nghĩa vụ trả cho bà Chung Thị T vay gốc và lãi là 592.040.000đ (Năm trăm chín mươi hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Nguyễn Thị Nh (Gái) và ông Ngô Thanh V phải chịu 27.682.000đ (Hai mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Chung Thị T không phải nộp án phí. Hoàn trả cho bà T 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo lai thu số 0008981 ngày 13/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- CC THADS huyện Thạnh Hóa;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hương

